Người ký: Sở Tư pháp
Email: tuphap@tuyenquang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Tuyên Quang
Thời gian ký: 25.09.2019 11:04:44 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19 /2014/QĐ-UBND	*Tuyên Quang, ngày 21 tháng 10 năm 2014*

SỞ TƯ PHÁP TỈNH T.QUANG
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 3399
NGÀY 27 THÁNG 10 NĂM 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chính quyền xã, phường, thị trấn hằng năm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 187/TTr-SNV ngày 19 tháng 9 năm 2014 về việc ban hành quyết định Quy định về việc đánh giá, xếp loại chính quyền xã, phường, thị trấn hằng năm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đánh giá, xếp loại chính quyền xã, phường, thị trấn hằng năm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2014.

Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện, thành phố, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ; (Báo cáo)
- Bộ Nội vụ; (Báo cáo)
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Cục kiểm tra VBQPPL;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Uỷ ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các ban Đảng, Văn phòng Tỉnh ủy;
- Tòa án ND tỉnh, Viện Kiểm sát ND tỉnh;
- Phòng Tin học - Công báo, VP. UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- TT các Huyện ủy, Thành ủy;
- TT HĐND các huyện, thành phố;
- Như điều 2 (thi hành);
- Lưu: VT, NC.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Chẩu Văn Lâm

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Đánh giá, xếp loại chính quyền xã, phường, thị trấn hằng năm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(Kèm theo Quyết định số 19 /2014/QĐ-UBND ngày 21 /10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định về tiêu chí, phương pháp và quy trình đánh giá, xếp loại chính quyền xã, phường, thị trấn (*sau đây gọi chung là chính quyền cấp xã*) hằng năm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng:

Quyết định này áp dụng đối với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Mục đích đánh giá, xếp loại

1. Đánh giá, xếp loại chính quyền cấp xã nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính nhà nước ở địa phương, góp phần xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh và tiến bộ.

2. Phát huy mặt tích cực và khắc phục những hạn chế, yếu kém trong công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý Nhà nước ở địa phương.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá, xếp loại

1. Đánh giá, xếp loại chính quyền cấp xã căn cứ vào kết quả hoạt động, kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân theo quy định của pháp luật và cơ quan hoặc người có thẩm quyền giao.

2. Đánh giá, xếp loại chính quyền cấp xã phải đảm bảo toàn diện, khách quan, minh bạch.

Điều 4. Thẩm quyền đánh giá, xếp loại chính quyền cấp xã

Uỷ ban nhân dân cấp huyện quyết định xếp loại chính quyền cấp xã hằng năm.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Tiêu chí đánh giá, xếp loại

1. Hoạt động của Hội đồng nhân dân;

2. Hoạt động của Ủy ban nhân dân;

3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn.

(*Ban hành kèm theo Phụ lục tiêu chí, thang điểm đánh giá, xếp loại chính quyền xã, phường, thị trấn hằng năm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*)

Điều 6. Phương pháp đánh giá

Đánh giá chính quyền cấp xã thực hiện bằng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100 của các tiêu chí quy định tại Điều 5 Quy định này.

Điều 7. Xếp loại chính quyền cấp xã

Chính quyền cấp xã được xếp loại như sau:

1. Vững mạnh: Đạt từ 85 điểm trở lên và không có cán bộ, công chức thuộc Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân vi phạm kỷ luật;

2. Khá: Đạt từ 75 điểm đến dưới 85 điểm hoặc đạt từ 85 điểm trở lên nhưng có cán bộ, công chức thuộc Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân bị xử lý kỷ luật hình thức khiển trách;

3. Trung bình: Đạt từ 65 điểm đến dưới 75 điểm hoặc đạt từ 75 điểm trở lên nhưng có cán bộ, công chức thuộc Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân bị xử lý kỷ luật một trong các hình thức cảnh cáo, hạ bậc lương, cách chức;

4. Yếu: Dưới 65 điểm hoặc đạt từ 65 điểm trở lên nhưng còn để xảy ra một trong các nội dung sau:

- Ban hành các văn bản trái chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của cơ quan cấp trên;

- Không chấp hành nghị quyết, quyết định, chỉ đạo của cơ quan cấp trên;

- Có cán bộ, công chức thuộc Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân bị xử lý kỷ luật hình thức bãi nhiệm, buộc thôi việc hoặc vi phạm pháp luật bị tòa án tuyên là có tội;

- Để xảy ra vi phạm nghiêm trọng về quản lý đất đai, khoáng sản, lâm sản và môi trường hoặc tham nhũng, lãng phí đã được cơ quan có thẩm quyền kết luận.

Điều 8. Quy trình đánh giá, xếp loại chính quyền cấp xã

1. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, thống nhất với Chủ tịch Hội đồng nhân dân cùng cấp tổ chức hội nghị toàn thể cán bộ, công chức cấp xã tự chấm điểm và xếp loại hoạt động của chính quyền cấp xã; báo cáo kết quả tự chấm điểm, xếp loại với Ủy ban nhân dân cấp huyện (*qua phòng Nội vụ tổng* hợp). Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Báo cáo kết quả hoạt động của chính quyền cấp xã;

c) Bản tự chấm điểm và xếp loại chính quyền cấp xã (mẫu số 01).

2. Thẩm định kết quả tự chấm điểm và xếp loại:

a) Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng thẩm định kết qủa tự chấm điểm và xếp loại chính quyền cấp xã (*gọi tắt là Hội đồng thẩm định*), thành phần gồm:

- Chủ tịch Hội đồng thẩm định: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định: Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện;

- Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng thẩm định: Trưởng phòng Nội vụ cấp huyện;

- Các Ủy viên Hội đồng thẩm định khác: Đại diện lãnh đạo Công an huyện, Ban Chỉ huy Quân sự huyện và các cơ quan chuyên môn cấp huyện.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định:

- Thẩm định kết quả tự chấm điểm và xếp loại của chính quyền cấp xã;

- Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện kết quả thẩm định và đề xuất xếp loại chính quyền cấp xã đối với xã, phường, thị trấn trên địa bàn huyện.

3. Quyết định đánh giá, xếp loại:

Trước ngày 31 tháng 01 năm sau, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xếp loại chính quyền cấp xã trên địa bàn (*mẫu số 02, mẫu số* 03); lập báo cáo kết quả hoạt động của chính quyền cấp xã trên địa bàn gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nội vụ tổng hợp*).

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện theo Quy định này.

2. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả xây dựng chính quyền cấp xã hằng năm./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Chẩu Văn Lâm

PHỤ LỤC
TIÊU CHÍ, THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHÍNH QUYỀN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN HẰNG NĂM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG
(Kèm theo Quyết định số 19 /2014/QĐ-UBND ngày 21 /10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

TT	Tiêu chí	Thang điểm	
		Điểm tối đa	Điểm trừ
I	**HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**	**15**	
1	Tổ chức tốt các kỳ họp định kỳ hoặc bất thường	3	*- Không tổ chức các kỳ họp theo quy định trừ điểm tối đa;* *- Chuẩn bị nội dung, chương trình, tài liệu kỳ họp không đúng quy định trừ 1,5 điểm.*
2	Ban hành nghị quyết thực hiện chức năng, nhiệm vụ đảm bảo kịp thời, đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chỉ đạo của cơ quan nhà nước cấp trên và phù hợp với thực tiễn hoạt động của địa phương	4	*- Không ban hành nghị quyết thực hiện chức năng, nhiệm vụ trừ điểm tối đa;* *- Ban hành nghị quyết không đúng thẩm quyền; không đúng căn cứ pháp lý; không kịp thời hoặc không phù hợp với thực tiễn hoạt động của địa phương trừ 2 điểm;* *- Ban hành nghị quyết không đúng thể thức trừ 1 điểm*
3	Thường trực Hội đồng nhân dân xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch tiếp xúc cử tri đúng theo quy định	2	*- Không xây dựng dựng kế hoạch tiếp xúc cử tri hoặc tổ chức tiếp xúc cử tri không theo quy định trừ điểm tối đa;* *- Xử lý ý kiến của cử tri không kịp thời trừ 1 điểm.*
4	Xây dựng kế hoạch và thực hiện việc tiếp công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân đúng theo quy định	2	*- Không xây dựng kế hoạch trừ điểm tối đa;* *- Không niêm yết kế hoạch, danh sách, lịch tiếp công dân tại nơi tiếp công dân trừ 0,5 điểm.* *- Không xử lý kịp thời ý kiến kiến nghị của công dân hoặc không theo dõi, đôn đốc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân trừ 1 điểm.*

TT	Tiêu chí	Thang điểm	
		Điểm tối đa	Điểm trừ
5	Xây dựng chương trình giám sát hàng năm và tổ chức thực hiện chương trình giám sát theo quy định.	2	*- Không xây dựng chương trình giám sát trừ điểm tối đa;* *- Thực hiện giám sát không đúng chương trình, nội dung, thẩm quyền, trình tự, thủ tục trừ 1 điểm.*
6	Xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp công tác giữa Ủy ban nhân dân với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn.	2	*- Không xây dựng quy chế phối hợp trừ điểm tối đa;* *- Thực hiện quy chế phối hợp còn hạn chế trừ 1 điểm.*
II	**HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN**	**25**	
1	Xây dựng và thực hiện quy chế làm việc đúng quy định.	2	*- Không xây dựng quy chế làm việc trừ điểm tối đa;* *- Tổ chức và thực hiện quy chế làm việc không đúng quy định trừ 1 điểm.*
2	Xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch công tác đúng quy định, sát với tình hình thực tế của địa phương.	2	*- Không xây dựng chương trình, kế hoạch công tác trừ điểm tối đa;* *- Xây dựng và thực hiện chương trình công tác không kịp thời, không sát với tình hình thực tế của địa phương trừ 1 điểm.*
3	Triển khai đúng, đầy đủ, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, chỉ đạo của cơ quan cấp trên.	3	*- Không triển khai trừ điểm tối đa;* *- Triển khai không đầy đủ hoặc không kịp thời trừ 1,5 điểm*
4	Thực hiện cơ chế "một cửa", "một cửa liên thông" đúng quy định.	3	*- Giải quyết công việc không đúng thời gian quy định trừ điểm tối đa;* *- Không công khai đầy đủ các thủ tục hành chính, các khoản phí, lệ phí... trừ 01 điểm.*

TT	Tiêu chí	Thang điểm	
		Điểm tối đa	Điểm trừ
5	Thực hiện tốt các nội dung dân chủ ở xã, phường, thị trấn	2	*Kết quả đánh giá thực hiện quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn đạt loại trung bình trừ 1 điểm; yếu trừ điểm tối đa.*
6	Thực hiện tốt công tác văn thư, lưu trữ, chế độ thông tin, báo cáo.	2	*- Thực hiện việc quản lý văn bản đi, văn bản đến, quản lý con dấu hoặc chế độ thông tin, báo cáo không đúng quy định trừ điểm tối đa;* *- Thực hiện việc quản lý văn bản đi, văn bản đến không khoa học hoặc chế độ thông tin, báo cáo không kịp thời trừ 1 điểm.*
7	Thực hiện chế độ tiếp dân, giải quyết ý kiến kiến nghị, khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền đúng quy định.	3	*- Không thực hiện đúng quy định tiếp công dân hoặc để xảy ra khiếu kiện đông người trừ điểm tối đa;* *- Không giải quyết dứt điểm khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền trừ 1,5 điểm;* *- Để xảy ra tình trạng đơn thư kéo dài, vượt cấp trừ 2 điểm.*
8	Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, nội bộ Ủy ban nhân dân đoàn kết, thống nhất, không để xảy ra tiêu cực, suy thoái về đạo đức, lối sống.	2	*Nội bộ Ủy ban nhân dân mất đoàn kết hoặc để xảy ra tiêu cực suy thoái về đạo đức, lối sống trừ điểm tối đa.*
9	100 % cán bộ, công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã xếp loại hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực trở lên trong năm.	2	*Có cán bộ, công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trừ điểm tối đa.*
10	Thực hiện việc bố trí, quản lý, sử dụng các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo đúng quy định.	2	*Thực hiện việc bố trí, quản lý, sử dụng người hoạt động không chuyên trách không đúng quy định trừ điểm tối đa.*
11	Xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp công tác giữa Ủy ban nhân dân với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn.	2	*- Không xây dựng quy chế phối hợp trừ điểm tối đa;* *- Thực hiện quy chế phối hợp còn hạn chế trừ 1 điểm.*

TT	Tiêu chí	Thang điểm	
		Điểm tối đa	Điểm trừ
III	**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN**	**60**	
1	Thực hiện tốt việc thu, chi ngân sách.	6	*- Thu ngân sách không đạt chỉ tiêu kế hoạch dưới 5% trừ 1 điểm đối với xã, trừ 1,5 điểm đối với phường, thị trấn; từ 5% trở lên trừ 2 điểm đối với xã, trừ 3 điểm đối với phường, thị trấn.* *- Quản lý và sử dụng các nguồn quỹ của nhân dân đóng góp không đúng quy định trừ 1,5 điểm;* *- Thu, chi ngân sách không đúng quy định trừ điểm tối đa.*
2	Hoàn thành các chỉ tiêu về kinh tế.	15	*- Sản xuất nông nghiệp không đạt chỉ tiêu kế hoạch trừ 3 điểm;* *- Sản xuất lâm nghiệp không đạt chỉ tiêu kế hoạch trừ 3 điểm;* *- Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại không đạt chỉ tiêu kế hoạch trừ 3 điểm.*
3	Thực hiện tốt công tác bảo vệ tài nguyên và môi trường không để xảy ra vi phạm về quản lý tài nguyên và môi trường.	8	*- Xảy ra vi phạm về quản lý đất đai trừ 4 điểm;* *- Xảy ra vi phạm về quản lý khoáng sản hoặc lâm sản trừ 3 điểm.* *- Xảy ra vi phạm, phức tạp về môi trường trừ 1 điểm.*
4	Xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch xây dựng nông thôn mới (*đối với xã*); công tác quản lý và phát triển đô thị (*đối với phường, thị trấn*)	3	*- Đối với xã:* *+ Không xây dựng kế hoạch xây dựng nông thôn mới hằng năm trừ điểm tối đa;* *+ Xây dựng kế hoạch xây dựng nông thôn mới chậm hoặc không hoàn thành kế hoạch xây dựng nông thôn mới trừ 1 điểm.* *- Đối với phường, thị trấn: Phường, thị trấn để xảy ra một trong các nội dung sau mỗi nội dung trừ 01 điểm:* *+ Lấn chiếm, sử dụng diện tích đất công và công trình công cộng vào mục đích thương mại, nhà ở.* *+ Vi phạm các quy định hiện hành về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và nếp sống văn minh đô thị;*

TT	Tiêu chí	Thang điểm	
		Điểm tối đa	Điểm trừ
			+ Lấn chiếm lòng đường, hè phố gây cản trở giao thông, cơi nới, làm mái che, mái vẩy, đặt biển quảng cáo sai quy định, gây mất mỹ quan đô thị; *+ Không đảm bảo vệ sinh môi trường; không thu gom rác thải theo quy định; có cơ sở sản xuất kinh doanh vi phạm quy định về môi trường.*
5	Thực hiện nhiệm vụ xây dựng và quản lý các công trình kết cấu hạ tầng theo đúng quy định và kế hoạch được giao.	4	*- Mỗi chỉ tiêu kế hoạch không đạt trừ 1 điểm;* *- Không thường xuyên tu sửa, bảo vệ đường giao thông, công trình thủy lợi và các công trình khác trừ 1 điểm.*
6	Hoàn thành các chỉ tiêu về văn hóa - xã hội	12	*- Kế hoạch giảm hộ nghèo không đạt chỉ tiêu kế hoạch trừ 2 điểm;* *- Chỉ tiêu kế hoạch lao động việc làm không đạt trừ 2 điểm;* *- Chỉ tiêu kế hoạch y tế không đạt trừ 2 điểm;* *- Chỉ tiêu kế hoạch giáo dục không đạt trừ 2 điểm;* *- Chỉ tiêu kế hoạch văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao không đạt trừ 2 điểm;* *- Thực hiện chính sách đối với người có công và chính sách xã hội khác không đầy đủ, kịp thời trừ 2 điểm.*
7	Thực hiện chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo theo đúng quy định của pháp luật	2	*Xảy ra vụ việc nổi cộm về dân tộc, tôn giáo trên địa bàn trừ điểm tối đa.*
8	Thực hiện tốt công tác quân sự địa phương, an ninh, trật tự an toàn xã hội và thi hành pháp luật	10	*- Về quân sự: Kết quả thực hiện nhiệm vụ quân sự địa phương được đánh giá giỏi 4 điểm; khá 3 điểm; trung bình 2 điểm; yếu 0 điểm;* *- Về an ninh ninh trật tự, an toàn xã hội: Kết quả đánh giá đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn "an toàn về an ninh trật tự" 4 điểm; không đạt tiêu chuẩn 0 điểm;*

TT	Tiêu chí	Thang điểm	
		Điểm tối đa	Điểm trừ
			- Thực hiện tốt công tác thi hành pháp luật ở địa phương: 2 điểm; *+ Không tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đến người dân trừ 2 điểm;* *+ Việc giải quyết các tranh chấp trong nhân dân theo quy định của pháp luật hiệu quả thấp trừ 1 điểm.*
TỔNG ĐIỂM (I + II + III)		**100**	

Ghi chú: Điểm trừ tối đa bằng thang điểm mỗi tiêu chí

Mẫu số 01

BẢN TỰ CHẤM ĐIỂM, XẾP LOẠI CHÍNH QUYỀN
XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ..... NĂM ....

1. Tự chấm điểm:

TT	Tiêu chí	Thang điểm	Điểm bị trừ	Điểm đạt được	Diễn giải (Lý do bị trừ điểm)
I	**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**	**15**			
1	I.1	3			
2	I.2	4			
3	I.3	2			
4	I.4	2			
5.	I.5	2			
6	I.6	2			
II	**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN**	**25**			
1	II.1	2			
2	II.2	3			
3	II.3	3			
4	II.4	2			
5	II.5	2			
6	II.6	2			
7	II.7	3			

TT	Tiêu chí	Thang điểm	Điểm bị trừ	Điểm đạt được	Diễn giải (Lý do bị trừ điểm)
8	II.8	2			
9	II.9	2			
10	II.10	2			
11	II.11	2			
III	**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN**	**60**			
1	III.1	6			
2	III.2	15			
3	III.3	8			
4	III.4	3			
5	III.5	4			
6	III.6	12			
7	III.7	2			
8	III.8	10			
TỔNG ĐIỂM (I+II+III)					

2. Tự xếp hoại: Chính quyền .....

Lý do (nếu có):

Mẫu số 02

ỦY BAN NHÂN DÂN (HUYỆN, THÀNH PHỐ).....	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số /QĐ-UBND	*....., ngày tháng năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH
Xếp loại chính quyền cấp xã trên địa bàn huyện (thành phố) ..... năm .....

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN (THÀNH PHỐ)

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Quyết định số /2014/QĐ-UBND ngày / /2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định về việc đánh giá, xếp loại chính quyền xã, phường, thị trấn hằng năm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định tại Báo cáo số ..... ngày / / về việc báo cáo kết quả thẩm định và đề xuất xếp loại chính quyền cấp xã năm ...,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Quyết định xếp loại chính quyền cấp xã trên địa bàn huyện (thành phố) ..... năm .. như sau:

1. Vững mạnh gồm ... xã (phường, thị trấn): .....

2. Khá gồm ... xã (phường, thị trấn): .....

3. Trung bình gồm ... xã (phường, thị trấn): .....

4. Yếu gồm .... xã (phường, thị trấn): .....

(Có bản tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại kèm theo)

Điều 2. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Nội vụ huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã (phường), thị trấn căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: - Sở Nội vụ; - TT. Huyện ủy (thành phố); (báo cáo) - TT. HĐND huyện (thành phố); - CVP, PCVP. HĐND&UBND huyện (thành phố); - HĐND, UBND các xã (phường), thị trấn; - Lưu: VT-UBND.	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH** .....

Mẫu số 03

BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ NĂM ....

(Kèm theo Quyết định số ..... ngày ....
của Ủy ban nhân dân huyện (thành phố).....

TT	Xã, phường, thị trấn	Điểm đạt được	Xếp loại	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
...				

* ***Ghi chú:*** Xếp theo thứ tự xếp loại từ cao xuống thấp.